

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN CHÂU THÀNH  
TỈNH SÓC TRĂNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 16 /2021/DS-ST

Ngày: 18/3/2021

“V/v tranh chấp hợp đồng góp hụi”

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH, TỈNH SÓC TRĂNG**

***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

- Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Võ Văn Vinh**

- Các Hội thẩm nhân dân:

1/. Ông: **Nguyễn Văn Ngư**

2/. Ông: **Lâm Ngọc Hà**

- **Thư ký phiên tòa:** Bà **Lưu Thị Thúy Vy** Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Sóc Trăng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên tòa: Ông **Cao Trương Minh Đức** – Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 3 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Sóc Trăng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 34/2020/TLST-DS, ngày 20 tháng 4 năm 2020 về việc “**Tranh chấp hợp đồng góp hụi**” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 35/2021/QĐXXST-DS ngày 02 tháng 3 năm 2021; Quyết định hoãn phiên tòa số 30/2021/QĐST- DS ngày 11/3/2021, giữa các đương sự:

1. **Nguyên đơn:** Bà **Thạch Thị L**, sinh năm 1968 (Có mặt)

Địa chỉ: Ấp X, xã H, huyện C, tỉnh Sóc Trăng

2. **Bị đơn:** Ông **Lữ T**, sinh năm 1959 (Vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp X, xã H, huyện C, tỉnh Sóc Trăng.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ông **Lữ Tuấn K**, sinh năm 1988 (Vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp X, xã H, huyện C, tỉnh Sóc Trăng.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo đơn khởi kiện ngày 02 tháng 03 năm 2020; biên bản lấy lời khai ngày 22/7/2020; cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn bà Thạch Thị L trình bày:

Vào ngày 09/6/2013, bà L có tham gia một dây hụi 1.000.000đ (Một triệu đồng), có 24 phần (trong đó bà L tham gia 06 phần), do bà Phan Thị Kim D và ông Lữ T làm chủ hụi (bà D chết) năm 2017.

Mở ngày 09/6/2013, có 24 phần, mỗi phần: 1.000.000đ (Một triệu đồng), bà L tham gia 06 phần, hốt hết 03 phần, còn sống 03 phần chưa hốt; cụ thể như sau:

Một (01) phần bà L đóng hụi sống được 23 lần, thực đóng là 19.090.000đ; còn vốn lãi là 23.000.000đ.

Một (01) phần bà L đóng hụi sống được 23 lần, thực đóng là 1 18.980.000đ; còn vốn lãi là 23.000.000đ.

Một (01) phần bà L đóng hụi sống được 23 lần, thực đóng là 19.020.000đ; còn vốn lãi là 23.000.000đ.

Số tiền bà L thực đóng của 03 phần hụi 57.090.000đ; còn vốn lãi là 69.000.000đ.

Còn vài ngày nữa mãn hụi của dây hụi này, thì bà D mở dây hụi 2.000.000đ, có 24 phần, bà L tham gia 03 phần, mỗi phần đóng được 02 lần là 6.000.000đ; tổng cộng bà D, ông T nợ tiền hụi: 75.000.000đ (Bảy mươi lăm triệu đồng).

Nay bà yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông Lữ T trả số tiền hụi 75.000.000đ (Bảy mươi lăm triệu đồng).

Tại biên bản lấy lời ngày 20/11/2020, bị đơn ông Lữ T trình bày: Bà D là vợ ông chết ngày 6/5/2017 (âm lịch), ông và bà D có 02 người con chung: Lữ Tuấn K, sinh năm 1988; Lữ Tuấn A, sinh năm 1990 (chết năm 2014).

Lúc bà D còn sống, có thừa nhận thiếu tiền hụi bà L 75.000.000đ (Bảy mươi lăm triệu đồng), khi bà D chết ông không có khả năng trả.

Nay bà L yêu cầu của Tòa án giải quyết buộc ông T trả số tiền hụi 75.000.000đ, ông không có khả năng trả.

#### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Ông Lữ T, Lữ Tuấn K đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai để tham gia phiên tòa, nhưng ông Lữ T, Lữ Tuấn K đều vắng mặt, nên Hội đồng xét xử áp dụng điểm b, khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt các ông.

[2] Về nội dung: Bà Thạch Thị L yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông Lữ T trả số tiền hụi: 75.000.000đ (Bảy mươi lăm triệu đồng)

[3] Tại phiên tòa hôm nay, bà L cho rằng, bà có tham gia dây hụi do bà D và ông T làm chủ hụi, dây hụi mở ngày 09/6/2013, mỗi dây có 24 phần, mỗi phần: 1.000.000đ (Một triệu đồng), bà tham gia 06 phần, hết hết 03 phần, còn lại 03 phần hụi sống, mỗi phần đóng 23 lần, số tiền bà thực đóng: 57.090.000đ; còn vốn lãi là 69.000.000đ. Còn vài ngày nữa mãn hụi của dây hụi này, thì bà D mở dây hụi 2.000.000đ, có 24 phần, bà tham gia 03 phần, mỗi phần đóng được 02 lần là 6.000.000đ; tổng cộng bà D, ông T nợ tiền hụi của bà là: 75.000.000đ (Bảy mươi lăm triệu đồng); bà L yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông Lữ T trả số tiền nợ hụi 75.000.000đ (Bảy mươi lăm triệu đồng).

[4] Hội đồng xét xử thấy, bà L yêu cầu tòa án giải quyết buộc ông Lữ T trả tiền hụi 75.000.000đ, theo lời khai của bà L, thì bà D là chủ hụi, ông Lữ T là đi thu tiền hụi, hiện nay bà D chết nên bà L kiện ông T phải trả số tiền hụi 75.000.000đ. Qua biên bản lấy lời khai của ông T ngày 20/11/2020, thì ông T thừa nhận bà D nợ bà L 75.000.000đ, nhưng ông T không có khả năng trả. Xét thấy bà D (đã chết), nên tòa án có đưa ông T và ông K tham gia tố tụng với tư cách người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố của bà D. Nhưng qua thu thập chứng

cứ lời khai của ông T cho biết bà D (đã chết ngày 6/5/2017), như vậy bà D chết trước khi bà L khởi kiện, mặc khác tại phiên tòa hôm nay, bà L xác định chỉ kiện ông T, nên Hội đồng xét xử xác định ông T là bị đơn và ông K là người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan, không phải là người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố của bà D; nên buộc ông Lữ T phải có nghĩa vụ trả tiền hụi do bà L 75.000.000đ là có cơ sở. Còn đối với ông K là con (bà D và ông T) bà L không có yêu cầu phải trả số tiền hụi của bà D nợ và cũng không có chứng nào cho thấy ông K liên quan đến việc tham gia hụi cùng bà D với ông T, nên Hội xét xử không thể buộc ông K cùng trả số tiền trên với ông T.

[5] Tại phiên tòa hôm nay, Kiểm sát viên cho rằng HĐXX đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về xét xử sơ thẩm vụ án, đảm bảo về thủ tục bắt đầu phiên tòa, tranh tụng tại phiên tòa theo quy định BLTTDS năm 2015.

Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Thạch Thị L buộc bị đơn ông Lữ T phải có nghĩa vụ trả cho nguyên đơn bà Thạch Thị L số tiền hụi: 75.000.000đ (Bảy mươi lăm triệu đồng)

Lời đề nghị của Kiểm sát viên là có căn cứ, nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[6] Từ những nhận định, phân tích trên, Hội đồng xét xử, xét thấy yêu cầu của bà Thạch Thị L là có cơ sở chấp nhận. Do đó áp dụng Điều 471 Bộ luật dân sự năm 2015, buộc ông T phải có nghĩa vụ trả bà **Thạch Thị L** số tiền hụi: 75.000.000đ (Bảy mươi lăm triệu đồng) là có căn cứ.

[7] Về án phí: Ông Lữ T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là: 3.750.000đ của số tiền (75.000.000đ x 5% = 3.750.000đ), nhưng ông Lữ T thuộc đối tượng là người cao tuổi (hiện nay trên 60 tuổi), nên Hội đồng xét xử quyết định cho ông Lữ T được miễn nộp toàn bộ tiền án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại Điểm đ Khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội

Bà Thạch Thị L không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

*Vì các lẽ trên.*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

- Áp dụng Khoản 3 Điều 26; Điểm a Khoản 1 Điều 35; Điểm a Khoản 1 Điều 39; điểm b, khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228; Khoản 1 Điều 147; Khoản 1 Điều 273; Khoản 1 Điều 280 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

- Áp dụng Điều 471 Bộ luật dân sự năm 2015

- Áp dụng: Điều 17 Nghị Định 144/NĐ- CP ngày 27/11/2006 của Chính Phủ về họ, hụi, biếu, phụng.

- Điểm đ khoản 1 Điều 12; Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016.

### **Tuyên xử:**

Chấp nhận đơn yêu cầu của bà Thạch Thị L kiện ông Lữ T về việc "Tranh chấp hợp đồng góp hụi".

Buộc ông Lữ T phải có nghĩa vụ trả cho bà Thạch Thị L số tiền hụi là: 75.000.000đ (Bảy mươi lăm triệu đồng)

Về án phí: Ông Lữ T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là: 3.750.000đ, nhưng ông Lữ T thuộc đối tượng là người cao tuổi (hiện nay trên 60 tuổi), nên Hội đồng xét xử quyết định cho ông Lữ T được miễn nộp toàn bộ tiền án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại Điểm đ Khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội.

Bà Thạch Thị L không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm; hoàn trả cho bà Thạch Thị L số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là: 1.875.000đ, theo biên lai số: 0001306 ngày 05/3/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành.

Khi bản án có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày bà Thạch Thị L có đơn yêu cầu thi hành án thì hàng tháng ông Lữ T còn phải trả lãi cho bà Thạch Thị L theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015, đối với số tiền chậm thi hành án.

Các đương sự được quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án; đối với đương sự không có mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày bản án được giao cho họ hoặc được niêm yết, để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng xét xử theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

**Nơi nhân:**

- Các đương sự;
- TAND tỉnh Sóc Trăng;
- VKSND huyện Châu Thành;
- Chi cục THADS huyện Châu Thành;
- Lưu hồ sơ vụ án;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**  
**Thẩm phán-Chủ tọa phiên tòa**

**Võ Văn Vinh**



